

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Phê duyệt Đề cương dự toán chi tiết Dự án mô hình điểm phát triển sản phẩm OCOP - sản phẩm từ sen trên địa bàn huyện Tháp Mười**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Quyết định số 4078/QĐ-BNN-VPĐP ngày 28/10/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt Kế hoạch khung chỉ đạo điểm triển khai chương trình Mỗi xã một sản phẩm;*

*Căn cứ Thông tư số 08/2019/TT-BTC ngày 30/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 43/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;*

*Căn cứ Quyết định số 1513/QĐ-UBND-HC ngày 09/12/2019 của UBND tỉnh Đồng Tháp về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2020 cho các đơn vị hành chính, sự nghiệp cấp tỉnh;*

*Theo đề nghị Tờ trình số 2960/TTr-UBND ngày 14/8/2020 của UBND huyện Tháp Mười về việc Đề cương Dự án mô hình điểm phát triển sản phẩm OCOP - sản phẩm từ sen trên địa bàn huyện Tháp Mười.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Đề cương và dự toán chi tiết thực hiện nhiệm vụ “Dự án mô hình điểm phát triển sản phẩm OCOP - sản phẩm từ sen trên địa bàn huyện Tháp Mười” giai đoạn 2019 – 2025, định hướng đến năm 2030 (có đề cương và dự toán chi tiết kèm theo), với các nội dung chủ yếu sau:

1. Chủ đầu tư: UBND huyện Tháp Mười.
2. Nội dung nhiệm vụ:
  - Phát triển cây sen và xây dựng giá trị tăng thêm cho các sản phẩm từ sen của huyện Tháp Mười

- Nâng sao xếp hạng OCOP đối với 06 sản phẩm đã tham gia đánh giá xếp hạng cấp tỉnh.

- Nâng chất các sản phẩm từ sen hiện có để tham gia chương trình OCOP: có ít nhất 10 sản phẩm được chuẩn hóa tham gia gắn sao xếp hạng vào năm 2021.

- Xây dựng các sản phẩm từ sen phục vụ phát triển du lịch

- Xây dựng mô hình chuỗi giá trị du lịch sen

3. Tổng kinh phí thực hiện: **497.000.000** (*Bốn trăm chín mươi bảy triệu*) từ nguồn vốn sự nghiệp của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2020 (dành riêng cho các mô hình chỉ đạo điểm OCOP)

**Điều 2.** Giao UBND huyện Tháp Mười làm chủ đầu tư phối hợp với đơn vị tư vấn triển khai lập Đề án cụ thể theo đúng nội dung Đề cương đã được phê duyệt; chịu trách nhiệm thực hiện đầy đủ các thủ tục, hồ sơ và thanh, quyết toán kinh phí theo đúng quy định hiện hành; phối hợp với các đơn vị liên quan thẩm định nội dung Đề án, trình UBND Tỉnh phê duyệt.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND Tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Kho bạc nhà nước Tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Tháp Mười chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- TT/TU, TT/HĐND Tỉnh;
- CT và các PCT/UBND Tỉnh;
- Trường Đại học KHXH&NV TPHCM;
- Lưu: VT, NC/KT.H.A (09 bản)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thanh Hùng**

**ĐỀ CƯƠNG**  
**DỰ ÁN MÔ HÌNH ĐIỂM PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM OCOP**  
**- SẢN PHẨM TỪ SEN TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN THÁP MƯỜI**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1332/QĐ-UBND-HC ngày 28/8/2020*  
*của UBND Tỉnh)*

Đề cương thực hiện nhiệm vụ “*Dự án Mô hình điểm phát triển sản phẩm OCOP - Sản phẩm từ Sen trên địa bàn huyện Tháp Mười*” tỉnh Đồng Tháp, bao gồm các nội dung sau:

## **I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN**

Cơ quan chủ trì thực hiện đề cương và xây dựng Dự án: UBND huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp

Cơ quan thực hiện xây dựng Dự án: Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Tháp Mười

Đơn vị tư vấn xây dựng Dự án: Trung tâm Phát triển Nông thôn - Saemaul Undong, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh

Thời gian thực hiện xây dựng Dự án: Đến quý IV năm 2020

Phạm vi và địa bàn thực hiện xây dựng Dự án: Các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

## **II. NỘI DUNG CỦA DỰ ÁN**

Nội dung của Dự án gồm các phần sau:

### **Phần 1: MỞ ĐẦU**

#### **I. SỰ CẦN THIẾT PHẢI XÂY DỰNG DỰ ÁN**

- Tỉnh Đồng Tháp, khi triển khai Đề án phát triển du lịch Đồng Tháp giai đoạn 2015 - 2020, đã chú trọng đến xây dựng thương hiệu du lịch “*Đồng Tháp thuần khiết như hồn sen*”, hình ảnh Sen ngày càng được khẳng định và trở thành biểu tượng của tỉnh Đồng Tháp. Trong đó, huyện Tháp Mười là huyện có nhiều tiềm năng và thế mạnh với cây Sen trong việc phát triển ngành kinh tế gắn với Sen và du lịch về Sen.

- Huyện Tháp Mười có Khu di tích lịch sử văn hóa khảo cổ Gò Tháp - Đồng sen Tháp Mười, được định hướng xây dựng hình ảnh “Vương quốc Sen và văn hóa tâm linh”, phát triển sản phẩm du lịch sinh thái kết hợp khai thác các yếu tố văn hoá truyền thống thời khẩn hoang, tâm linh và Sen. Đối với những sản phẩm

từ Sen, hiện ngành hàng Sen cũng được Tỉnh chọn là ngành hàng chủ lực giai đoạn 2018 - 2020 trong Chương trình Quốc gia Mỗi xã một sản phẩm (OCOP).

- Trong năm 2019, huyện Tháp Mười có 06 sản phẩm chế biến từ sen được cấp chứng nhận sản phẩm OCOP cấp tỉnh. Trong đó, có 01 sản phẩm 4 sao và có tiềm năng phát triển 5 sao trong thời gian tới. Cụ thể, công ty TNHH SX-TM-DV Khánh Thu, có sản phẩm Trà hoa sen đạt 4 sao và sản phẩm Hà diệp liên đạt 3 sao. Và công ty Cổ phần Đầu tư - Thương mại - Du lịch Đồng Tháp Mười Đồng Tháp Mười có 04 sản phẩm đạt 3 sao, đó là các sản phẩm Rượu hồng sen tửu đặc biệt, Rượu hồng sen tửu, Trà tim sen và Hạt sen sấy bơ.

- Ngoài ra, trên địa bàn huyện Tháp Mười còn có một số sản phẩm từ sen như sản phẩm Rượu Hoa liên tửu của công ty TNHH SX-TM-DV Khánh Thu; các sản phẩm Sữa sen, Sữa sen bột, Sen bột của Cơ sở Diễm Thúy 2; và sản phẩm Sữa sen của Cơ sở Sen Hồng, các sản phẩm sen sấy, trà tim sen, sữa sen của Cơ sở Minh Sơn. Đây là những sản phẩm có tiềm năng phát triển và tham gia chương trình OCOP trong thời gian sắp tới.

- Trong bối cảnh thực hiện Chương trình Mục tiêu Quốc gia Xây dựng Nông thôn mới, đặc biệt là Chương trình Quốc gia Mỗi xã một sản phẩm (OCOP). Từ những thực tiễn hoạt động và tình hình phát triển của vùng Sen và những sản phẩm từ Sen trên địa bàn huyện Tháp Mười, việc hình thành “*Dự án Mô hình điểm phát triển sản phẩm OCOP - Sản phẩm từ Sen trên địa bàn huyện Tháp Mười*” tỉnh Đồng Tháp là một việc hết sức cần thiết.

*Thứ nhất*, nhằm khuyến khích và hỗ trợ các chủ thể sản xuất phát triển vùng nguyên liệu Sen; phát triển, đa dạng hóa và nâng cao chất lượng các sản phẩm từ Sen.

*Thứ hai*, giải quyết vấn đề việc làm, nâng cao thu nhập, cải thiện mức sống cho người dân từ cây Sen. Giúp các hộ gia đình, chủ thể sản xuất vươn lên làm giàu, đóng góp tích cực cho xây dựng nông thôn mới.

*Thứ ba*, nhằm hỗ trợ xây dựng xây dựng các dự án liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm từ Sen, ứng dụng thành tựu, khoa học, công nghệ tiên tiến; phát triển năng lực của chủ thể sản xuất có năng lực quản trị tốt, xây dựng sản phẩm có thương hiệu, đạt chất lượng, đáp ứng nhu cầu thị trường.

*Thứ tư*, phát triển các sản phẩm từ sen và liên kết với các điểm du lịch về Sen, kết nối thị trường tiêu thụ.

*Thứ năm*, xây dựng hình ảnh Tháp Mười gắn với biểu tượng Sen.

Từ những yếu tố cần thiết ở trên, việc đề xuất thực hiện “*Dự án Mô hình điểm phát triển sản phẩm OCOP - Sản phẩm từ Sen trên địa bàn huyện Tháp*

*Mười*” tỉnh Đồng Tháp nhằm phát triển các sản phẩm từ sen và các điểm du lịch về sen trở thành sản phẩm đặc trưng tham gia chương trình OCOP, sẽ giúp kích thích sản xuất, nâng cao giá trị và kết nối thị trường, gia tăng giá trị kinh tế và đóng góp tích cực cho quá trình xây dựng nông thôn mới tại huyện Tháp Mười nói riêng và tỉnh Đồng Tháp nói chung. Đồng thời, hướng đến sự kiến tạo nên hình ảnh đặc thù của huyện Tháp Mười có tính hấp dẫn và cạnh tranh cao gắn liền với hình ảnh và biểu tượng Sen của tỉnh Đồng Tháp.

## **II. CĂN CỨ PHÁP LÝ ĐỂ XÂY DỰNG DỰ ÁN**

- Quyết định số 490/QĐ-TTg ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt “Chương trình Mỗi xã một sản phẩm” giai đoạn 2018-2020 (Chương trình OCOP);

- Quyết định số 01/QĐ-BCĐTW ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Ban Chỉ đạo Trung ương các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020 về việc Ban hành Kế hoạch triển khai “Chương trình Mỗi xã một sản phẩm” giai đoạn 2018-2020;

- Kế hoạch số 226/KH-UBND ngày 17/10/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc Thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2018 đến năm 2020;

- Kế hoạch số 241/KH-UBND ngày 28/10/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp;

- Kế hoạch số 284/KH-UBND ngày 24/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về phát triển sản phẩm du lịch đặc trưng các khu điểm du lịch trọng điểm trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, năm 2019 – 2020.

- Quyết định số 978/QĐ-UBND.HC ngày 21/9/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch phân khu xây dựng Khu du lịch Đồng Sen Tháp Mười;

- Công văn số 1062/VPUBND-KT ngày 20 tháng 5 năm 2020 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về mô hình điểm phát triển sản phẩm OCOP và nghiên cứu phát triển chuỗi giá trị sen.

- Căn cứ Quyết định số 1048/QĐ-TTg ngày 21/8/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ Tiêu chí đánh giá, phân hạng sản phẩm Chương trình Mỗi xã một sản phẩm.

- Căn cứ Quyết định 4078/QĐ-BNN-VPĐP ngày 28/10/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt chỉ đạo điểm triển khai Chương trình Mỗi xã một sản phẩm;

- Căn cứ Quyết định số 781//QĐ-TTg ngày 8/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Phụ lục Quyết định số 1048/QĐ-TTg ngày 21/8/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ Tiêu chí đánh giá, phân hạng sản phẩm Chương trình Mỗi xã một sản phẩm

### **III. PHẠM VI XÂY DỰNG DỰ ÁN**

- Phạm vi không gian: Dự án được triển khai tại huyện Tháp Mười
- Phạm vi thời gian: Từ 2020 – 2025, định hướng đến 2030

### **IV. MỤC TIÊU CỦA DỰ ÁN**

#### **1. Mục tiêu chung**

- Phát triển đa dạng hóa và nâng cao chất lượng của các sản phẩm từ Sen ở huyện Tháp Mười; hình thành các liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị từ sản xuất, chế biến đến tiêu thụ sản phẩm đảm bảo tính bền vững, tăng khả năng cạnh tranh và nâng cao chất lượng và hiệu quả kinh tế các sản phẩm chiến lược từ sen nhằm hướng đến mục tiêu xuất khẩu.

- Phát triển các sản phẩm từ Sen trở thành sản phẩm chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP), thể hiện đây sẽ những sản phẩm đặc trưng của huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp. Phát triển các sản phẩm từ Sen kết hợp du lịch sinh thái và ẩm thực Sen với hướng tới xây dựng hình ảnh đặc trưng của Tháp Mười gắn với biểu tượng Sen, nhằm thu hút du khách trong và ngoài nước đến với vùng Sen Tháp Mười.

#### **2. Mục tiêu cụ thể**

- Phát triển cây sen và xây dựng giá trị tăng thêm cho các sản phẩm từ sen của huyện Tháp Mười
- Nâng sao xếp hạng OCOP đối với 06 sản phẩm đã tham gia đánh giá xếp hạng cấp tỉnh.
- Nâng chất các sản phẩm từ sen hiện có để tham gia chương trình OCOP: **có ít nhất 10 sản phẩm được chuẩn hóa tham gia gắn sao xếp hạng vào năm 2021.**
- Xây dựng các sản phẩm từ sen phục vụ phát triển du lịch
- Xây dựng mô hình chuỗi giá trị du lịch sen

### **PHẦN 2: NỘI DUNG**

#### **I. ĐẶC ĐIỂM ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ HUYỆN THÁP MƯỜI**

##### **1. Điều kiện tự nhiên**

2. Thực trạng phát triển kinh tế, ngành nghề nông thôn
3. Nguồn lực phát triển Sen Tháp Mười

## **II. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN CÂY SEN VÀ SẢN XUẤT CÁC SẢN PHẨM TỪ SEN TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN THÁP MƯỜI**

1. Thực trạng và định hướng phát triển nguồn nguyên liệu từ cây sen huyện Tháp Mười
2. Thực trạng sản phẩm từ sen tham gia chương trình OCOP và sản phẩm tiềm năng trên địa bàn huyện Tháp Mười
3. Thực trạng về quy hoạch vùng nguyên liệu Sen trên địa bàn huyện Tháp Mười

## **III. QUAN ĐIỂM, KINH NGHIỆM PHÁT TRIỂN CÂY SEN VÀ SẢN PHẨM TỪ SEN**

1. Quan điểm phát triển
2. Kinh nghiệm về việc phát triển cây Sen và các sản phẩm từ Sen

## **IV. NỘI DUNG CỦA DỰ ÁN**

1. Phát triển quy mô vùng trồng sen trên địa bàn huyện Tháp Mười
2. Chuẩn hóa các sản phẩm từ sen của các chủ thể tham gia chương trình OCOP
3. Nâng sao xếp hạng OCOP đối những sản phẩm đã tham gia đánh giá xếp hạng cấp tỉnh
4. Đề xuất các hoạt động quảng bá, xúc tiến thương mại cho các sản phẩm
5. Đề xuất mô hình chuỗi giá trị du lịch sen gắn với sản phẩm OCOP
6. Đa dạng hóa sản phẩm từ sen (sản phẩm ẩm thực, quà tặng...) phục vụ phát triển du lịch.
7. Phát huy giá trị văn hóa từ sen

## **V. GIẢI PHÁP CỤ THỂ CỦA DỰ ÁN**

1. Giải pháp khôi phục vùng nguyên liệu Sen
2. Giải pháp trong tạo giá trị tăng thêm cho sản phẩm từ sen gắn với phát triển du lịch
3. Đề xuất các hạng mục hỗ trợ cho từng chủ thể sản xuất các sản phẩm từ Sen tham gia chương trình OCOP
4. Xây dựng các câu chuyện sản phẩm và bộ thuyết minh từ Sen

5. Gắn kết du lịch sen với du lịch sinh thái, du lịch tâm linh và di tích văn hóa lịch sử

6. Xây dựng điểm trưng bày sản phẩm OCOP từ Sen trên đại bàn huyện Tháp Mười

7. Nâng cao nguồn nhân lực trong trồng và chế biến các sản phẩm từ sen.

8. Tổ chức lễ hội Sen gắn với lịch sử Tháp Mười

## **V. NHU CẦU VỐN ĐẦU TƯ**

1. Tổng vốn đầu tư

2. Cơ cấu nguồn vốn

2.1. Nguồn vốn ngân sách nhà nước

2.2. Nguồn vốn chủ thể sản xuất

2.4. Nguồn vốn khác

## **VI. HIỆU QUẢ CỦA DỰ ÁN**

1. Hiệu quả kinh tế

2. Hiệu quả xã hội

3. Hiệu quả môi trường

## **VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. UBND huyện Tháp Mười

2. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Tháp Mười

3. Phòng, ban huyện Tháp Mười có liên quan đến chương trình OCOP

4. Các tổ chức chính trị - xã hội huyện Tháp Mười

5. UBND các xã, thị trấn

## **PHẦN 3: KẾT LUẬN**

**PHẦN 4: KHÁI TOÁN KINH PHÍ TRIỂN KHAI DỰ ÁN: 497.000.000 (Bốn trăm chín mươi bảy triệu)** từ nguồn vốn sự nghiệp của Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2020 (dành riêng cho các mô hình chỉ đạo điểm OCOP).



**KẾ HOẠCH TIẾN ĐỘ XÂY DỰNG DỰ ÁN MÔ HÌNH ĐIỂM PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM  
OCOP - SẢN PHẨM TỪ SEN TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN THÁP MƯỜI**

| STT        | Nội dung công việc                                                                                 | Tháng<br>8/2020 | Tháng<br>9/2020 | Tháng<br>10/2020 | Tháng 11/2020 |
|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------|------------------|---------------|
| <b>I</b>   | <b>KHẢO SÁT ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG</b>                                                                |                 |                 |                  |               |
| 1          | Đợt 1: Khảo sát, đánh giá thực trạng phát triển cây sen trên địa bàn huyện Tháp Mười               |                 |                 |                  |               |
| 2          | Đợt 2: Khảo sát, đánh giá thực trạng sản xuất các sản phẩm từ sen trên địa bàn huyện Tháp Mười     |                 |                 |                  |               |
| <b>II</b>  | <b>TƯ VẤN XÂY DỰNG QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN, KINH NGHIỆM PHÁT TRIỂN CÂY SEN VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ SEN</b> |                 |                 |                  |               |
| 1          | Chuyên đề Chuyên đề về quan điểm phát triển                                                        |                 |                 |                  |               |
| 2          | Chuyên đề kinh nghiệm phát triển cây sen và các sản phẩm từ sen                                    |                 |                 |                  |               |
| <b>III</b> | <b>XÂY DỰNG NỘI DUNG VÀ GIẢI PHÁP CỤ THỂ CỦA DỰ ÁN</b>                                             |                 |                 |                  |               |
| 1          | Chuyên đề: Phát triển quy mô vùng trồng sen trên địa bàn huyện Tháp Mười                           |                 |                 |                  |               |
| 2          | Chuyên đề: Chuẩn hóa các sản phẩm từ sen của các chủ thể tham gia chương trình OCOP                |                 |                 |                  |               |
| 3          | Chuyên đề: Nâng sao xếp hạng OCOP đối với những sản phẩm đã tham gia đánh giá xếp hạng cấp tỉnh    |                 |                 |                  |               |

|           |                                                                                                                                                |  |  |  |  |
|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|--|
| 4         | Chuyên đề: Xây dựng các câu chuyện sản phẩm và bộ thuyết minh từ Sen                                                                           |  |  |  |  |
| 5         | Chuyên đề: Gia tăng giá trị các sản phẩm từ sen gắn và đa dạng hóa sản phẩm từ sen (sản phẩm ẩm thực, quà tặng...) phục vụ phát triển du lịch. |  |  |  |  |
| 6         | Chuyên đề: Gắn kết du lịch sen với du lịch sinh thái                                                                                           |  |  |  |  |
| 7         | Chuyên đề: Xây dựng điểm trung bày sản phẩm OCOP từ Sen trên đại bàn huyện Tháp Mười                                                           |  |  |  |  |
| 8         | Chuyên đề: Đề xuất các hoạt động quảng bá, xúc tiến thương mại cho các sản phẩm                                                                |  |  |  |  |
| 9         | Chuyên đề: Mô hình chuỗi giá trị du lịch sen                                                                                                   |  |  |  |  |
| 10        | Chuyên đề: Chương trình lễ hội sen gắn với lễ hội Gò Tháp                                                                                      |  |  |  |  |
| <b>IV</b> | <b>XÁC ĐỊNH NHU CẦU VỐN ĐẦU TƯ VÀ CƠ CẤU NGUỒN VỐN THỰC HIỆN DỰ ÁN</b>                                                                         |  |  |  |  |
| <b>V</b>  | <b>ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ KINH TẾ-XÃ HỘI CỦA DỰ ÁN</b>                                                                                              |  |  |  |  |
| <b>VI</b> | <b>HOÀN THIỆN ĐỀ ÁN VÀ BẢO VỆ ĐỀ ÁN</b>                                                                                                        |  |  |  |  |
| 1         | Tổng hợp hoàn thiện đề án                                                                                                                      |  |  |  |  |
| 2         | Hội đồng bảo vệ đề án                                                                                                                          |  |  |  |  |

| STT      | Nội dung công việc                                                                                          | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá (đồng) | Thành tiền (đồng) | Căn cứ                               |
|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------|----------------|-------------------|--------------------------------------|
| <b>I</b> | <b>KHẢO SÁT ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG</b>                                                                         |             |            |                | <b>51,148,000</b> |                                      |
| <b>1</b> | <b>Khảo sát, đánh giá thực trạng phát triển cây sen trên địa bàn huyện Tháp Mười</b>                        |             |            |                | <b>25,574,000</b> |                                      |
| 1.1      | Xây dựng phương án và kế hoạch tổ chức khảo sát (1 chủ nhiệm nhiệm vụ x 4 công)                             | Công        | 4          | 938,700        | 3,754,800         | QĐ số 13/2016/QĐ-UBND tỉnh Đồng Tháp |
| 1.2      | Phụ cấp lưu trú (4 người x 3 ngày)                                                                          | Ngày        | 12         | 100,000        | 1,200,000         | NQ 142/2017/NQ-HĐND tỉnh Đồng Tháp   |
| 1.3      | Phòng nghỉ 4 người x 2 đêm)                                                                                 | Đêm         | 8          | 200,000        | 1,600,000         | NQ 142/2017/NQ-HĐND tỉnh Đồng Tháp   |
| 1.4      | Thuê xe di chuyển khảo sát                                                                                  | Ngày xe     | 2          | 2,000,000      | 4,000,000         | Theo giá thị trường                  |
| 1.5      | Công làm việc                                                                                               |             |            |                | 8,046,000         | QĐ số 13/2016/QĐ-UBND tỉnh Đồng Tháp |
| -        | <i>Chủ nhiệm nhiệm vụ (1 người x 3 công)</i>                                                                | <i>Công</i> | <i>3</i>   | <i>938,700</i> | <i>2,816,100</i>  | QĐ số 13/2016/QĐ-UBND tỉnh Đồng Tháp |
| -        | <i>Thành viên thực hiện chính (3 người x 3 công)</i>                                                        | <i>Công</i> | <i>9</i>   | <i>581,100</i> | <i>5,229,900</i>  | QĐ số 13/2016/QĐ-UBND tỉnh Đồng Tháp |
| 1.6      | Báo cáo thực trạng phát triển cây sen trên địa bàn huyện Tháp Mười (1 thành viên thực hiện chính x 12 công) | Công        | 12         | 581,100        | 6,973,200         | QĐ số 13/2016/QĐ-UBND tỉnh Đồng Tháp |
| <b>2</b> | <b>Khảo sát, đánh giá thực trạng sản xuất các sản phẩm từ sen trên địa bàn huyện Tháp Mười</b>              |             |            |                | <b>25,574,000</b> |                                      |
| 2.1      | Xây dựng phương án và kế hoạch tổ chức khảo sát (1 chủ nhiệm nhiệm vụ x 4 công)                             | Công        | 4          | 938,700        | 3,754,800         | QĐ số 13/2016/QĐ-UBND tỉnh Đồng Tháp |
| 2.2      | Phụ cấp lưu trú (4 người x 3 ngày)                                                                          | Ngày        | 12         | 100,000        | 1,200,000         | NQ 142/2017/NQ-HĐND tỉnh Đồng Tháp   |

|           |                                                                                                                     |             |           |                |                   |                                      |
|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-----------|----------------|-------------------|--------------------------------------|
| 2.3       | Phòng nghỉ 4 người x 2 đêm)                                                                                         | Đêm         | 8         | 200,000        | 1,600,000         | NQ 142/2017/NQ-HĐND tỉnh Đồng Tháp   |
| 2.4       | Thuê xe di chuyển khảo sát                                                                                          | Ngày xe     | 2         | 2,000,000      | 4,000,000         | Theo giá thị trường                  |
| 2.5       | Công làm việc                                                                                                       |             |           |                | 8,046,000         | QĐ số 13/2016/QĐ-UBND tỉnh Đồng Tháp |
| -         | <i>Chủ nhiệm nhiệm vụ (1 người x 3 công)</i>                                                                        | <i>Công</i> | <i>3</i>  | <i>938,700</i> | <i>2,816,100</i>  | QĐ số 13/2016/QĐ-UBND tỉnh Đồng Tháp |
| -         | <i>Thành viên thực hiện chính (3 người x 3 công)</i>                                                                | <i>Công</i> | <i>9</i>  | <i>581,100</i> | <i>5,229,900</i>  | QĐ số 13/2016/QĐ-UBND tỉnh Đồng Tháp |
| 2.6       | Báo cáo thực trạng sản xuất các sản phẩm từ sen trên địa bàn huyện Tháp Mười (thành viên thực hiện chính x 12 công) | Công        | 12        | 581,100        | 6,973,200         | QĐ số 13/2016/QĐ-UBND tỉnh Đồng Tháp |
| <b>II</b> | <b>Tư vấn xây dựng quan điểm phát triển, kinh nghiệm phát triển cây sen và các sản phẩm từ sen;</b>                 |             |           |                | <b>79,655,400</b> |                                      |
| 1         | Chuyên đề về quan điểm phát triển                                                                                   |             |           |                | 39,827,700        | QĐ số 13/2016/QĐ-UBND tỉnh Đồng Tháp |
| -         | <i>Chủ nhiệm nhiệm vụ (1 người x 22 công)</i>                                                                       | <i>Công</i> | <i>22</i> | <i>938,700</i> | <i>20,651,400</i> | QĐ số 13/2016/QĐ-UBND tỉnh Đồng Tháp |
| -         | <i>Thành viên thực hiện chính (1 người x 33 công)</i>                                                               | <i>Công</i> | <i>33</i> | <i>581,100</i> | <i>19,176,300</i> | QĐ số 13/2016/QĐ-UBND tỉnh Đồng Tháp |
| 2         | Chuyên đề kinh nghiệm phát triển cây sen và các sản phẩm từ sen                                                     |             |           |                | 39,827,700        | QĐ số 13/2016/QĐ-UBND tỉnh Đồng Tháp |
| -         | <i>Chủ nhiệm nhiệm vụ (1 người x 22 công)</i>                                                                       | <i>Công</i> | <i>22</i> | <i>938,700</i> | <i>20,651,400</i> | QĐ số 13/2016/QĐ-UBND tỉnh Đồng Tháp |
| -         | <i>Thành viên thực hiện chính (1 người x 33 công)</i>                                                               | <i>Công</i> | <i>33</i> | <i>581,100</i> | <i>19,176,300</i> | QĐ số 13/2016/QĐ-UBND tỉnh Đồng Tháp |

|            |                                                                                                                                                                                         |      |    |         |                    |                                      |
|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|----|---------|--------------------|--------------------------------------|
| <b>III</b> | <b>XÂY DỰNG NỘI DUNG VÀ GIẢI PHÁP CỤ THỂ CỦA DỰ ÁN</b>                                                                                                                                  |      |    |         | <b>205,530,600</b> | QĐ số 13/2016/QĐ-UBND tỉnh Đồng Tháp |
| 1          | Chuyên đề: Phát triển quy mô vùng trồng sen trên địa bàn huyện Tháp Mười (1 chủ nhiệm nhiệm vụ x 22 công)                                                                               | Công | 22 | 938,700 | 20,651,400         | QĐ số 13/2016/QĐ-UBND tỉnh Đồng Tháp |
| 2          | Chuyên đề: Chuẩn hóa các sản phẩm từ sen của các chủ thể tham gia chương trình OCOP (1 thành viên thực hiện chính x 22 công)                                                            | Công | 22 | 581,100 | 12,784,200         | QĐ số 13/2016/QĐ-UBND tỉnh Đồng Tháp |
| 3          | Chuyên đề: Nâng sao xếp hạng OCOP đối với những sản phẩm đã tham gia đánh giá xếp hạng cấp tỉnh (1 thành viên thực hiện chính x 22 công)                                                | Công | 22 | 581,100 | 12,784,200         | QĐ số 13/2016/QĐ-UBND tỉnh Đồng Tháp |
| 4          | Chuyên đề: Xây dựng các câu chuyện sản phẩm và bộ thuyết minh từ Sen                                                                                                                    | Công |    |         | <b>33,435,600</b>  | QĐ số 13/2016/QĐ-UBND tỉnh Đồng Tháp |
|            | - <i>Chủ nhiệm nhiệm vụ (22 công)</i>                                                                                                                                                   | Công | 22 | 938,700 | 20,651,400         | QĐ số 13/2016/QĐ-UBND tỉnh Đồng Tháp |
|            | - <i>Thành viên thực hiện chính (22 công)</i>                                                                                                                                           | Công | 22 | 581,100 | 12,784,200         | QĐ số 13/2016/QĐ-UBND tỉnh Đồng Tháp |
| 5          | Chuyên đề: Gia tăng giá trị các sản phẩm từ sen gắn và đa dạng hóa sản phẩm từ sen (sản phẩm ẩm thực, quà tặng...) phục vụ phát triển du lịch. (1 thành viên thực hiện chính x 22 công) | Công | 22 | 581,100 | <b>12,784,200</b>  | QĐ số 13/2016/QĐ-UBND tỉnh Đồng Tháp |
| 6          | Chuyên đề: Gắn kết du lịch sen với du lịch sinh thái (1 chủ nhiệm nhiệm vụ x 22 công)                                                                                                   | Công | 22 | 938,700 | <b>20,651,400</b>  | QĐ số 13/2016/QĐ-UBND tỉnh Đồng Tháp |
| 7          | Chuyên đề: Xây dựng điểm trưng bày sản phẩm OCOP từ Sen trên đại bàn huyện Tháp Mười (1 thành viên thực hiện chính x 22 công)                                                           | Công | 22 | 581,100 | <b>12,784,200</b>  | QĐ số 13/2016/QĐ-UBND tỉnh Đồng Tháp |

|           |                                                                                                    |      |    |         |                   |                                      |
|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|------|----|---------|-------------------|--------------------------------------|
| 8         | Chuyên đề: Hoạt động quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm                                    | Công |    |         | <b>33,435,600</b> |                                      |
|           | - <i>Chủ nhiệm nhiệm vụ (22 công)</i>                                                              | Công | 22 | 938,700 | 20,651,400        | QĐ số 13/2016/QĐ-UBND tỉnh Đồng Tháp |
|           | - <i>Thành viên thực hiện chính (22 công)</i>                                                      | Công | 22 | 581,100 | 12,784,200        | QĐ số 13/2016/QĐ-UBND tỉnh Đồng Tháp |
| 9         | Chuyên đề: Mô hình chuỗi giá trị du lịch sen                                                       | Công |    |         | <b>33,435,600</b> |                                      |
|           | - <i>Chủ nhiệm nhiệm vụ (22 công)</i>                                                              | Công | 22 | 938,700 | 20,651,400        | QĐ số 13/2016/QĐ-UBND tỉnh Đồng Tháp |
|           | - <i>Thành viên thực hiện chính (22 công)</i>                                                      | Công | 22 | 581,100 | 12,784,200        | QĐ số 13/2016/QĐ-UBND tỉnh Đồng Tháp |
| 10        | Chuyên đề: Chương trình lễ hội sen gắn với lễ hội Gò Tháp (1 thành viên thực hiện chính x 22 công) | Công | 22 | 581,100 | <b>12,784,200</b> | QĐ số 13/2016/QĐ-UBND tỉnh Đồng Tháp |
| <b>IV</b> | <b>XÁC ĐỊNH NHU CẦU VỐN ĐẦU TƯ VÀ CƠ CẤU NGUỒN VỐN THỰC HIỆN DỰ ÁN</b>                             | Công |    |         | <b>33,435,600</b> |                                      |
|           | - <i>Chủ nhiệm nhiệm vụ (22 công)</i>                                                              | Công | 22 | 938,700 | 20,651,400        | QĐ số 13/2016/QĐ-UBND tỉnh Đồng Tháp |
|           | - <i>Thành viên thực hiện chính (22 công)</i>                                                      | Công | 22 | 581,100 | 12,784,200        | QĐ số 13/2016/QĐ-UBND tỉnh Đồng Tháp |
| <b>V</b>  | <b>ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ KINH TẾ-XÃ HỘI CỦA DỰ ÁN</b>                                                  | Công |    |         | <b>33,435,600</b> |                                      |
|           | - <i>Chủ nhiệm nhiệm vụ (22 công)</i>                                                              | Công | 22 | 938,700 | 20,651,400        | QĐ số 13/2016/QĐ-UBND tỉnh Đồng Tháp |
|           | - <i>Thành viên thực hiện chính (22 công)</i>                                                      | Công | 22 | 581,100 | 12,784,200        | QĐ số 13/2016/QĐ-UBND tỉnh Đồng Tháp |
| <b>VI</b> | <b>VĂN PHÒNG PHẨM, IN ẤN TÀI LIỆU</b>                                                              |      |    |         | <b>9,033,982</b>  |                                      |

|            |                                                                          |       |    |           |                   |                                             |
|------------|--------------------------------------------------------------------------|-------|----|-----------|-------------------|---------------------------------------------|
| 1          | Văn phòng phẩm                                                           |       |    |           | 4,233,982         |                                             |
| -          | Giấy A4 trắng                                                            | Ram   | 10 | 95,000    | 950,000           | Theo giá thị trường                         |
| -          | Giấy A0                                                                  | Cuộn  | 5  | 350,000   | 1,750,000         | Theo giá thị trường                         |
| -          | Sổ ghi chép (dùng trong khảo sát)                                        | Cuốn  | 10 | 50,000    | 500,000           | Theo giá thị trường                         |
| -          | Viết bi                                                                  | Bộ    | 8  | 60,000    | 480,000           | Theo giá thị trường                         |
| -          | Bìa nút hồ sơ, bìa lá,...                                                |       |    |           | 553,982           | Theo giá thị trường                         |
| 2          | In ấn, photo tài liệu, bản đồ                                            |       |    |           | 4,800,000         |                                             |
| -          | Tài liệu hướng dẫn, công cụ khảo sát, tập huấn (2 đợt)                   | Bộ    | 8  | 100,000   | 800,000           | Theo giá thị trường                         |
| -          | Tài liệu phục vụ nghiệm thu (Chương trình, các chuyên đề, báo cáo đề án) | Bộ    | 20 | 100,000   | 2,000,000         | Theo giá thị trường                         |
| -          | Sản phẩm giao nộp                                                        | Bộ    | 10 | 200,000   | 2,000,000         | Theo giá thị trường                         |
| <b>VII</b> | <b>HOÀN THIỆN ĐỀ ÁN VÀ BẢO VỆ ĐỀ ÁN</b>                                  |       |    |           | <b>39,579,000</b> |                                             |
| <b>1</b>   | <b>Tổng hợp hoàn thiện đề án</b>                                         |       |    |           | <b>21,009,000</b> | <b>QĐ số 13/2016/QĐ-UBND tỉnh Đồng Tháp</b> |
|            | - Chủ nhiệm nhiệm vụ (11 công)                                           | Công  | 10 | 938,700   | 9,387,000         | QĐ số 13/2016/QĐ-UBND tỉnh Đồng Tháp        |
|            | - Thành viên thực hiện chính (22 công)                                   | Công  | 20 | 581,100   | 11,622,000        | QĐ số 13/2016/QĐ-UBND tỉnh Đồng Tháp        |
| <b>2</b>   | <b>Hội đồng bảo vệ đề án</b>                                             |       |    |           | <b>18,570,000</b> | <b>QĐ số 13/2016/QĐ-UBND tỉnh Đồng Tháp</b> |
| -          | Thuê hội trường                                                          | Ngày  | 1  | 1,500,000 | 1,500,000         | QĐ số 13/2016/QĐ-UBND tỉnh Đồng Tháp        |
| -          | Chi phí giải khát giữa giờ cho đại biểu                                  | Người | 21 | 20,000    | 420,000           | QĐ số 13/2016/QĐ-UBND tỉnh Đồng Tháp        |

|          |                                                               |              |           |                  |                    |                                      |
|----------|---------------------------------------------------------------|--------------|-----------|------------------|--------------------|--------------------------------------|
| -        | <i>Thuê xe di chuyển (TP.HCM- Đồng Tháp)</i>                  | <i>Lượt</i>  | <i>2</i>  | <i>2,000,000</i> | <i>4,000,000</i>   | Theo giá thị trường                  |
| -        | <i>Chủ tịch hội đồng</i>                                      | <i>Người</i> | <i>1</i>  | <i>1,200,000</i> | <i>1,200,000</i>   | QĐ số 13/2016/QĐ-UBND tỉnh Đồng Tháp |
| -        | <i>Thành viên Hội đồng</i>                                    | <i>Người</i> | <i>7</i>  | <i>800,000</i>   | <i>5,600,000</i>   | QĐ số 13/2016/QĐ-UBND tỉnh Đồng Tháp |
| -        | <i>Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng</i>                 | <i>Người</i> | <i>4</i>  | <i>400,000</i>   | <i>1,600,000</i>   | QĐ số 13/2016/QĐ-UBND tỉnh Đồng Tháp |
| -        | <i>Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong hội đồng</i> | <i>Người</i> | <i>4</i>  | <i>550,000</i>   | <i>2,200,000</i>   | QĐ số 13/2016/QĐ-UBND tỉnh Đồng Tháp |
| -        | <i>Thư ký</i>                                                 | <i>Người</i> | <i>1</i>  | <i>250,000</i>   | <i>250,000</i>     | QĐ số 13/2016/QĐ-UBND tỉnh Đồng Tháp |
| -        | <i>Đại biểu mời tham dự</i>                                   | <i>Người</i> | <i>12</i> | <i>150,000</i>   | <i>1,800,000</i>   | QĐ số 13/2016/QĐ-UBND tỉnh Đồng Tháp |
| <b>A</b> | <b>CỘNG CHI PHÍ (I+II+III+IV+V+VI+VII)</b>                    |              |           |                  | <b>451,818,182</b> |                                      |
| <b>B</b> | <b>THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (10%*A)</b>                          |              |           |                  | <b>45,181,818</b>  |                                      |
| <b>C</b> | <b>TỔNG DỰ TOÁN CHI PHÍ (A+B+C)</b>                           |              |           |                  | <b>497,000,000</b> |                                      |